

Bản án số: **17 /2020/HS-ST**
Ngày 20 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Chương.

Thẩm phán: Ông Lê Quang Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Lê Tâm, bà Dương Thị Sáng, ông Trần Văn Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thụy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Phan Văn T, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1986 tại huyện D, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện D, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H, sinh năm 1958 và bà Trần Thị L, sinh năm 1958; có vợ Dương Thị Đ, sinh năm 1989; có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Hồng Lương - Luật sư Văn phòng Luật sư Ngọc Khanh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Tạ Văn T1 (đã chết):

Ông Tạ Văn T2, sinh năm 1958; có mặt;

Nơi cư trú: Thôn 6 TT, xã S, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Dương Thị Đ, sinh năm 1989; có mặt;
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.
2. Ông Phan Văn H, sinh năm 1958; có mặt;
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.
3. Chị Phan Thanh L, sinh năm 1980; có mặt;
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.
4. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1976; có mặt;
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phạm Duy Q, sinh năm 1984; có mặt;
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.
2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1980; có mặt;
Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.
3. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1986; có mặt;
ĐKKHKT: Thôn 6 TT, xã S, huyện D, tỉnh Tuyên Quang;
Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.
4. Anh Trần Xuân M, sinh năm 1975; có mặt;
Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ, ngày 16/4/2020, Phan Văn T, cư trú tại thôn T, xã H, huyện D, tỉnh Tuyên Quang điều khiển xe mô tô biển số 22S1-214.16 (xe của chị Dương Thị Đ là vợ T) đến nhà anh Trương Quang M (ở cùng thôn) ăn cơm, uống rượu. Trong bữa cơm T, anh Minh và bạn anh M uống hết khoảng 01 lít rượu. Sau đó, T lấy xe mô tô đi về trước rồi vào nhà anh Phạm Văn H (anh rể T) ở cùng thôn tiếp tục cùng uống rượu với anh H, anh Phan Ngọc S, anh Trần Xuân M cùng trú tại thôn L, xã H; anh Nguyễn Phương Đ, trú tại thôn Đ, xã H, huyện D, tỉnh Tuyên Quang.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi ăn uống xong anh M rủ mọi người đến quán bia “T1 Xôm” ở thôn L, xã H, huyện D để uống bia (quán bia của anh Tạ Văn T1, trú tại thôn TT, xã S, huyện D, tỉnh Tuyên Quang), anh H không đi; T, anh M, anh Đ và anh S đi đến quán bán bia của anh T1. Lúc này trong quán bia còn có một nhóm khoảng 4 đến 5 người thanh niên đang ngồi uống bia, trong đó có anh Phạm Duy Q (cùng thôn T). Thấy nhóm của T đến thì mọi người đi về, còn anh Q sang ngồi uống bia, nói chuyện cùng nhóm của T và anh T1 (chủ quán), uống hết một cốc bia thì anh S, anh Đ đi về trước, còn lại T, anh T1, anh M và anh Q tiếp tục ngồi uống bia. Sau khi mỗi người uống hết khoảng 05 cốc bia, thì T nói với chị Nguyễn Thị X (vợ anh

T1) để T thanh toán tiền, do không mang theo tiền nên T nói với chị X cho nợ để ngày mai trả, chị X đồng ý. Sau đó anh M nói với chị X là để anh M trả tiền nhưng T khua tay, không cho anh M trả tiền, do không để ý nên tay T va chạm và làm rơi 01 chiếc cốc thủy tinh dùng để uống bia đang để trên mặt bàn xuống nền nhà bị vỡ. T cúi xuống nhặt các mảnh cốc vỡ thì bị đứt ngón tay, chảy máu. Chị X lấy miếng keo y tế, dán vào vết thương cho T. Cùng lúc này, anh T1 từ trong quầy bán hàng đi ra nói với T: “*Mày phá quán tao à*”, T nói: “*Em phá gì đâu, cốc vỡ thì em đền*”, anh T1 nói “*Tao bắt đền mày làm gì, tao chỉ muốn đánh cho mày ý*”, T tưởng anh T1 nói đùa (vì trước đây T và anh T1 hay trêu nhau, không bao giờ đánh, cãi nhau) nên T nói: “*Anh đánh em thì đánh đi, em không phải đền càng tốt*”, anh T1 lao vào dùng tay (không xác định dùng tay nào) đập một phát trúng vào vùng mắt trái của T, sau đó tiếp tục dùng tay đập nhiều phát vào vùng gáy của T, khiến T ngã xuống nền sân, làm khuỷu tay phải và đầu gối trái của T bị xây xước da, chảy máu. Anh T1 tiếp tục lấy một chiếc ghế nhựa (mặt vuông màu đỏ) vụt sượt qua lưng T, T không đánh lại mà chỉ chửi T1, thì anh M đứng dậy can ngăn, đẩy T ra ngoài đường và bảo T đi về. Sau đó, anh M dùng xe mô tô của T đưa T về nhà, anh Q đi xe mô tô của anh M đi theo sau. Khi đưa T về đến cổng nhà, anh M trả lại xe mô tô cho T và bảo T vào nhà đi ngủ, còn anh Q điều khiển xe mô tô đưa anh M quay lại quán bán bia của anh T1 và ngồi nói chuyện cùng với anh T1. Một lúc sau, anh Phạm Văn T, cư trú tại thôn N, xã Đ, huyện D, tỉnh Tuyên Quang (là giáo viên Trường Trung học cơ sở xã T, huyện D, tỉnh Tuyên Quang) đến quán, ngồi nói chuyện với anh M, anh T1 và anh Q.

Do bức tức vì bị anh T1 đánh nên T không vào nhà mà điều khiển xe mô tô đi đến nhà anh H với mục đích lấy dao quay lại đánh anh T1 để trả thù. Khi đến nhà anh H, T gặp chị Phan Thanh L (vợ anh H là chị gái T), T nói với chị L có gì ăn không (T nói dối mục đích của T là đi tìm dao) rồi T đi xuống bếp và nhìn thấy một con dao, loại dao bầu, lưỡi nhọn dài 30,4cm, chuôi dao bằng gỗ dài 10,7cm để trên nắp thùng gạo, T lấy con dao cho vào túi quần sau bên phải đi ra ngoài nói với chị L là T không ăn nữa.

Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô đến quán thấy anh T1, anh M, anh Q vẫn đang ngồi uống nước ở quán, còn anh Phạm Văn T đi vào phía trong quán vệ sinh. T chửi anh T1 và nói với anh T1 “*Mày đánh được tao thì mày đánh nữa đi*”, anh T1 đi ra đứng đối diện với T (cách khoảng 01m), thì anh M chạy ra đứng giữa T và T1, mục đích can không cho hai bên đánh nhau. Khi anh M đứng đối diện, ôm vào vùng cổ T, lúc này anh T1 đứng sát sau lưng anh M, mặt hướng về phía T. Tay phải T rút con dao đang để trong túi quần sau bên phải ra, rồi khom người đâm 01 nhát vòng qua sau lưng anh M theo hướng từ phải sang trái trúng vào mạn sườn trái của anh T1 gây thương tích. Sau đó T rút dao ra rồi cầm dao bỏ chạy về hướng cổng UBND xã H, khi chạy được khoảng 70m thì T vút dao ở cạnh đường và quay lại khu vực sân bóng trước cửa quán anh T1 để xem xét sự việc thì thấy mọi người ở trong quán hô gọi xe ô tô đưa anh T1 đi cấp cứu không thì anh T1 chết. Thấy vậy T đã chạy về nhà, đồng thời gọi điện thoại cho anh H và nói “*Em vừa đâm anh T1, anh ra xem anh ấy có chết không*”. Khoảng 10 phút sau anh H điều khiển xe mô tô đến nhà T, nói với T “*Anh T1 đã chết*” thì T đi đến nhà ông Phan Ngọc C (chú họ T ở cùng thôn, hiện là Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã H). T nói với ông C là T đã giết người và bảo ông C đưa ra xã H để đầu thú. Sau đó, anh H đã đưa T ra Ủy ban nhân dân xã H,

huyện D đầu thú và T chỉ cho anh H vị trí T đã vứt con dao gây án. Đối với anh Tạ Văn T1 sau khi bị đâm, được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Kim Xuyên, huyện D nhưng do vết thương quá nặng anh T1 đã chết trên đường đi cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 81/TT20 ngày 28/4/2020; Bản kết luận giám định số 356/GĐ-KHHS (PC09) ngày 29/4/2020; Bản kết luận giám định số 359/GĐ-KHHS ngày 27/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận:

- Nguyên nhân chết của bị hại Tạ Văn T1: Mất máu cấp do vết thương thấu bụng, đứt 2/3 chu vi động mạch chủ bụng.

- Dấu vết thu tại hiện trường là máu người, thuộc nhóm máu B. Máu của tử thi Tạ Văn T1 thuộc nhóm máu B.

- Mẫu máu thu của tử thi Tạ Văn T1 gửi giám định có cồn (Ethanol). Nồng độ cồn (Ethanol) trong máu là 108,315mg/100ml. Mẫu máu thu của Phan Văn T gửi giám định có cồn (Ethanol). Nồng độ cồn (Ethanol) trong máu là 106,511mg/100ml.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 95/2020/TgT ngày 27/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Tuyên Quang. Kết luận đối với Phan Văn T: Vùng gò má thái dương bên trái sưng nề có vết xây sát da rớm máu đã khô; gò bên trái có đám xây sát da rớm máu đã khô. Mỗi vết 01 %. Vùng cổ bên trái có vết xây sát da nông; mặt sau cẳng tay phải có đám xây sát da nông; gò bên phải có vết xây sát da nông. Các vết xây sát da nông sẽ khỏi không để lại di chứng: 0 %. Các thương tích trên là do tác động vật tày gây nên. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 02 % (Hai phần trăm).

Bản Cáo trạng số 17/CT-VKS-P2 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Phan Văn T về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 12 năm 06 tháng tù đến 13 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/4/2020.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Phan Văn T và người đại diện hợp pháp của bị hại ông Tạ Văn T2, bị cáo Phan Văn T phải bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền là 288.000.000 đồng, đã bồi thường 180.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 108.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng gồm:

01 con dao được niêm phong bên trong có con dao lưỡi nhọn (dài 30,4cm, chuôi dao bằng gỗ dài 10,7cm, lưỡi dao han rỉ, bấm dính chất màu nâu đỏ);

01 ống kim loại được niêm phong bên trong có ống kim loại rỗng hình trụ tròn dài 79cm, chu vi 10,04cm, bị móp méo ở nhiều vị trí.

01 ghế nhựa màu đỏ, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước mặt ghế 26x26cm, cao 42cm, vùng khuyết vỡ có kích thước 19,5x13,5cm.

01 thùng bìa cát tông màu xanh - trắng được niêm phong, bên trong có: 01 áo phông cộc tay màu đen (nhãn hiệu Lacoste, thân áo sau bên trái có vết rách vải dài 5,3cm, đầu dưới vết rách cách gấu áo 17,3cm, có dính nhiều máu); 01 quần Soóc màu vàng có dính nhiều tạp chất và đất bẩn; 01 đôi dép xỏ ngón màu đen, nhãn hiệu Poodle; 01 đôi dép tổ ong màu trắng, cỡ L.

01 túi niêm phong, bên trong có 02 mảnh xi măng (vữa); 01 viên sỏi; các mảnh nhựa vỡ, thủy tinh vỡ thu trong quá trình khám nghiệm hiện trường vụ án.

Đối với 01 chiếc xe mô tô Airblade màu đỏ đen, biển số 22S1-214.16, ngày 04/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã trả lại cho chị Dương Thị Đ nên không xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Văn T trình bày luận cứ bào chữa:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra cái chết cho bị hại Tạ Văn T1 là trái pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Giết người là có căn cứ đúng pháp luật. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại, được người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có 02 chú ruột là thương binh và liệt sĩ; trước đó bị hại có lỗi đánh bị cáo gây thương tích. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn T mức án khởi điểm của khung hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự do bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã tự nguyện thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận.

Bị cáo Phan Văn T nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư, không bổ sung thêm ý kiến.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Tạ Văn T2 trình bày: Sau khi xảy ra sự việc, gia đình bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 180.000.000 đồng, nhưng anh T1 còn có 02 con nhỏ, yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ cấp dưỡng con của anh Tạ Văn T1 đến khi đủ 18 tuổi theo quy định, cụ thể: Tiền mai táng phí 30.000.000 đồng, tiền bồi thường tổn thất về tinh thần 120.000.000 đồng, tiền cấp dưỡng cho cháu Tạ Nguyễn Bảo M, sinh ngày 10/11/2013 cấp dưỡng một lần, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng x 11 năm 06 tháng = 138.000.000 đồng; tổng cộng yêu cầu bị cáo Phan Văn T phải bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền là 288.000.000 đồng, đã bồi thường 180.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 108.000.000 đồng; về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo Phan Văn T nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn T tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 16/4/2020, tại quán bia “T1 Xôm” của gia đình anh Tạ Văn T1 ở thôn L, xã H, huyện D, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Phan Văn T, cư trú tại thôn T, xã H, huyện D xảy ra mâu thuẫn cá nhân với anh Tạ Văn T1, cư trú tại thôn TT, xã S, huyện D. Anh T1 đã dùng tay đánh T gây thương tích tổn hại 02% sức khỏe. Sau khi được mọi người can ngăn đưa T về nhà thì T đến nhà anh Phạm Văn H (cùng thôn T) lấy 01 con dao nhọn (dài 30,4cm, chuôi dao bằng gỗ dài 10,7cm) mục đích đánh anh T1 để trả thù. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày T đã đến quán anh T1 có hành vi tay phải cầm dao đâm 01 nhát theo hướng từ phải sang trái trúng vào mạn sườn trái anh Tạ Văn T1 gây thương tích nặng. Hậu quả anh Tạ Văn T1 chết trên đường đi cấp cứu.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Văn T là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo đã có hành vi dùng dao nhọn là hung khí nguy hiểm đâm vào mạn sườn là vùng xung yếu nhằm tước đoạt tính mạng của anh Tạ Văn T1, bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ hung hãn, giết người vì nguyên cớ nhỏ nhặt, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng của bị hại Tạ Văn T1, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình, nhưng do coi thường pháp luật, coi thường tính mạng của người khác. Bị cáo phạm tội do lỗi cố ý dẫn đến hậu quả bị hại Tạ Văn T1 tử vong. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết bị cáo Phan Văn T phạm tội Giết người, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; do vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại và tại phiên tòa đã thỏa thuận với người đại diện hợp pháp của bị hại về mức bồi thường; được người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; có 02

chú ruột là thương binh và liệt sĩ; trước đó bị hại anh T1 có phần lỗi đánh bị cáo bị thiệt hại 02% sức khỏe. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo, để quyết định mức án phù hợp pháp luật.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp cần xử bị cáo Phan Văn T mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về luận cứ bào chữa của Luật sư: Trên cơ sở nội dung tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyết định mức án cho phù hợp pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Quá trình điều tra gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại tổng số tiền là 180.000.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ cấp dưỡng con của anh Tạ Văn T1 đến khi đủ 18 tuổi. Bị cáo Phan Văn T và người đại diện hợp pháp của bị hại ông Tạ Văn T2, thỏa thuận về việc bồi thường như sau: Tiền mai táng phí 30.000.000 đồng, tiền bồi thường tổn thất về tinh thần 120.000.000 đồng, tiền cấp dưỡng cho cháu Tạ Nguyễn Bảo M, sinh ngày 10/11/2013 (con anh T1) cấp dưỡng một lần, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng x 11 năm 06 tháng = 138.000.000 đồng; tổng cộng bị cáo Phan Văn T phải bồi thường cho gia đình bị hại (do ông Tạ Văn T2) nhận tổng số tiền là 288.000.000 đồng, đã bồi thường 180.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 108.000.000 đồng. Xét sự thỏa thuận trên là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên.

[8] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ vật chứng liên quan đến vụ án, không có giá trị sử dụng, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng gồm:

01 con dao được niêm phong bên trong có con dao lưỡi nhọn (dài 30,4cm, chuôi dao bằng gỗ dài 10,7cm, lưỡi dao han rỉ, bấm dính chất màu nâu đỏ);

01 ống kim loại được niêm phong bên trong có ống kim loại rỗng hình trụ tròn dài 79cm, chu vi 10,04cm, bị móp méo ở nhiều vị trí;

01 ghế nhựa màu đỏ, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước mặt ghế 26x26cm, cao 42cm, vùng khuyết vỡ có kích thước 19,5x13,5cm;

01 thùng bìa cát tông màu xanh - trắng được niêm phong, bên trong có: 01 áo phông cộc tay màu đen (nhãn hiệu Lacoste, thân áo sau bên trái có vết rách vải dài 5,3cm, đầu dưới vết rách cách gấu áo 17,3cm, có dính nhiều máu); 01 quần Soóc màu vàng có dính nhiều tạp chất và đất bẩn; 01 đôi dép xốp xỏ ngón màu đen, nhãn hiệu Poodle; 01 đôi dép tổ ong màu trắng, cỡ L;

01 túi niêm phong, bên trong có 02 mảnh xi măng (vữa); 01 viên sỏi; các mảnh nhựa vỡ, thủy tinh vỡ thu trong quá trình khám nghiệm hiện trường vụ án.

Đối với 01 chiếc xe mô tô Airblade màu đỏ đen, biển số 22S1-214.16, ngày 04/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã trả lại cho chị Dương Thị Đ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T1 hành tố tụng, người T1 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Bị cáo Phan Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội “Giết người”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 17/4/2020).

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 591, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Phan Văn T và người đại diện hợp pháp của bị hại ông Tạ Văn T2 như sau: Bị cáo Phan Văn T phải bồi thường tiếp cho gia đình bị hại (do ông Tạ Văn T2) nhận tổng số tiền là 108.000.000 đồng (*Một trăm linh tám triệu đồng*).

Khoản tiền bồi thường, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Tạ Văn T2 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bị cáo Phan Văn T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 01 (một) con dao được niêm phong biên trong có con dao lưỡi nhọn dài 30,4 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 10,7 cm, lưỡi dao han rỉ, bắm dính chất màu nâu đỏ được niêm phong theo quy định, niêm phong có 02 hình dấu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh và 03 chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong;

- 01 (một) ống kim loại được niêm phong bên trong có ống kim loại rỗng hình trụ tròn dài 79 cm, chu vi 10,04 cm, bị móp méo ở nhiều vị trí, niêm phong có 03 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh và 02 chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong;

- 01 (một) ghế nhựa vớ màu đỏ, nhãn hiệu Việt Nhật, kích thước mặt ghế 26x26cm, cao 42cm, vùng khuyết (vớ) có kích thước 19,5x13,5cm, được niêm phong theo quy định tại Biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 17/4/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang có 04 hình dấu của Công an xã H, huyện D và 06 chữ ký của các thành phần tham gia;

- 01 (một) thùng bìa các tông màu xanh - trắng được niêm phong theo quy định có 10 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh và 06 chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong, bên trong có 01 áo cộc tay màu đen nhãn hiệu Lacoste, thân áo sau bên trái có vết rách dài 5,3 cm; 01 quần sóc màu vàng có dính nhiều tạp chất và đất bẩn; 01 đôi dép xốp ngón màu đen, nhãn hiệu Poodle; 01 đôi dép tổ ong màu trắng, cỡ L;

- 01 (một) túi niêm phong, bên trong có 02 mảnh xi măng (vữa) kích thước 15x11,5x2,8 (cm) và 10,5x5,7x4,7 (cm); 01 viên sỏi kích thước 8,5x5,6x2,8 (cm); các mảnh nhựa vớ, thuỷ tinh vớ thu trong quá trình khám nghiệm hiện trường vụ án, niêm phong có 03 hình dấu của Công an xã H, huyện D, tỉnh Tuyên Quang và 03 chữ ký của các thành phần tham gia.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 18/6/2020).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phan Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 5.400.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần liên quan) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/8/2020).

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Người đại diện của bị hại;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Chương

